Công Ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Vitaco

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Vitaco
DN: cn=Công Ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Vitaco, c=VN, st=Hồ Chí Minh
Date: 2025.08.28 15:40:18 +07'00'

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	4103004305	ngày 6 tháng 2 năm 2006
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300545501 ngày 30 tháng 11 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông La Văn Út	Chủ tịch
	Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Cương	Ủy viên
	Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
	Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
	Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Quang Cương	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc *(từ ngày 1 tháng 7 năm 2025)*
	Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 30 tháng 4 năm 2025)*
	Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 31 tháng 5 năm 2025)*
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên
	Ông Phạm Văn Trung	Thành viên
Trụ sở đăng ký	236/106/1A Điện Biên Phủ Phường Gia Định Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, 28 -08- 2025

Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 -08- 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty TNHH KPMG, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh 27 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chưa ghi nhận doanh thu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với chuyến hàng Voy7 do tàu Petrolimex 20 thực hiện bắt đầu từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và kết thúc trả hàng vào ngày 1 tháng 7 năm 2025 với giá trị cước vận chuyển là 15.563 triệu VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng doanh thu từ chuyến hàng Voy7 chỉ được ghi nhận khi tất cả các điều kiện của hợp đồng được thỏa mãn tại thời điểm hàng hóa được giao đầy đủ, an toàn, đúng chất lượng và đúng địa điểm, là ngày 1 tháng 7 năm 2025.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác ("VAS 14"), doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ được ghi nhận trong kỳ báo cáo theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Do đó, nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với chuyến hàng Voy7 của Công ty nêu trên là chưa phù hợp với quy định của VAS 14.

Nếu Công ty ghi nhận doanh thu từ chuyến hàng Voy 7 theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:

- doanh thu cung cấp dịch vụ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 sẽ tăng 14.785 triệu VND;
- giá vốn dịch vụ cung cấp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 sẽ tăng 7.041 triệu VND và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sẽ giảm 4.796 triệu VND; phải trả người lao động và phải trả nhà cung cấp sẽ tăng lần lượt là 1.316 triệu VND và 929 triệu VND;
- chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và thuế phải nộp Nhà nước tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 sẽ tăng 1.549 triệu VND; và
- lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 sẽ tăng 6.195 triệu VND.

Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 25-02-00196-25-1

Đàm Xuân Lâm	Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 0861-2023-007-1	Kiểm toán số: 2594-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc	

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	**100**		**1.009.530.429.861**	**1.050.993.407.374**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**8**	**858.497.431.257**	**864.795.956.014**
Tiền	111		63.497.431.257	74.795.956.014
Các khoản tương đương tiền	112		795.000.000.000	790.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**100.951.819.122**	**140.580.860.058**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	38.834.654.378	55.642.954.972
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	4.799.795.888	5.241.883.572
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	57.317.368.856	79.696.021.514
Hàng tồn kho	**140**	**12**	**50.081.179.482**	**45.461.194.713**
Hàng tồn kho	141		50.081.179.482	45.461.194.713
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		-	**155.396.589**
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	155.396.589
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	**200**		**380.834.687.764**	**423.771.256.361**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**73.996.000.000**	**80.136.000.000**
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	73.996.000.000	80.136.000.000
Tài sản cố định	**220**		**110.345.746.596**	**147.142.315.193**
Tài sản cố định hữu hình	221	13	89.144.318.069	125.634.384.420
Nguyên giá	*222*		*3.324.047.403.499*	*3.324.047.403.499*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(3.234.903.085.430)*	*(3.198.413.019.079)*
Tài sản cố định vô hình	227	14	21.201.428.527	21.507.930.773
Nguyên giá	*228*		*28.250.980.211*	*28.250.980.211*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(7.049.551.684)*	*(6.743.049.438)*
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**15**	**185.741.176.461**	**185.741.176.461**
Đầu tư vào công ty con	251		175.000.000.000	175.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.758.823.539)	(53.758.823.539)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**10.751.764.707**	**10.751.764.707**
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33(c)	10.751.764.707	10.751.764.707
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**1.390.365.117.625**	**1.474.764.663.735**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**285.975.082.352**	**305.595.930.931**
Nợ ngắn hạn	**310**		**204.262.190.852**	**202.217.256.431**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	13.182.127.096	20.738.389.423
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	17.714.520.209	9.121.709.798
Phải trả người lao động	314		31.468.479.205	64.919.606.789
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	8.000.853.355	3.842.446.025
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	7.986.481.650	6.897.665.641
Vay ngắn hạn	320	20(a)	43.331.566.000	43.331.566.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	46.952.699.311	36.932.871.054
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	35.625.464.026	16.433.001.701
Nợ dài hạn	**330**		**81.712.891.500**	**103.378.674.500**
Vay dài hạn	338	20(b)	81.712.891.500	103.378.674.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**1.104.390.035.273**	**1.169.168.732.804**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**23**	**1.104.390.035.273**	**1.169.168.732.804**
Vốn cổ phần	411	24	798.666.660.000	798.666.660.000
▪ *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*798.666.660.000*	*798.666.660.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	123.257.066	123.257.066
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	213.491.855.223
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		92.108.262.984	156.886.960.515
▪ *LNST chưa phân phối đến cuối năm trước*	*421a*		*49.594.732.190*	*46.461.706.819*
▪ *LNST kỳ này/năm nay*	*421b*		*42.513.530.794*	*110.425.253.696*
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**1.390.365.117.625**	**1.474.764.663.735**

28-08-2025

Người lập:		Người duyệt
Cao Mỹ Dung	Phan Nhân Tri	Nguyễn Quang Cương
Kế toán tổng hợp	*Trưởng phòng Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	**01**	**27**	**307.542.348.323**	**306.615.408.791**
Giá vốn dịch vụ cung cấp	**11**	**28**	**226.352.044.742**	**210.147.143.807**
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	**20**		**81.190.303.581**	**96.468.264.984**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	17.097.573.832	9.930.467.542
Chi phí tài chính	22	30	1.862.272.233	4.271.213.740
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.648.072.500*	*2.799.511.356*
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	42.713.054.501	37.387.845.476
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	**30**		**53.712.550.679**	**64.739.673.310**
Thu nhập khác	31		50.380.730	48.823.607
Chi phí khác	32		84.506.268	202.697.377
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(34.125.538)**	**(153.873.770)**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**53.678.425.141**	**64.585.799.540**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**33**	**11.164.894.347**	**13.607.220.113**
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	**52**	**33**	**-**	**(159.011.517)**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**42.513.530.794**	**51.137.590.944**

28 -08- 2025

Người lập:		Người duyệt:
Cao Mỹ Dung	Phan Nhân Tri	Nguyễn Quang Cương
Kế toán tổng hợp	*Trưởng phòng Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**53.678.425.141**	**64.585.799.540**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		36.796.568.597	24.687.836.374
Các khoản dự phòng	03		40.491.930.252	36.073.287.359
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.297.140)	(1.960.317)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(17.077.748.195)	(9.926.040.892)
Chi phí lãi vay	06		1.648.072.500	2.799.511.356
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**115.532.951.155**	**118.218.433.420**
Biến động các khoản phải thu	09		31.260.437.525	29.640.573.457
Biến động hàng tồn kho	10		(4.619.984.769)	4.986.133.131
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(61.163.624.874)	(1.317.022.115)
			81.009.779.037	**151.528.117.893**
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.762.708.076)	(2.988.415.472)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.787.669.324)	(17.206.880.400)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.128.100.000)	(11.106.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**63.331.301.637**	**120.226.622.021**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		31.636.748.195	10.746.685.722
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**31.636.748.195**	**10.746.685.722**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.665.783.000)	(21.665.783.000)
Tiền trả cổ tức	36		(79.606.024.000)	(63.783.526.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(101.271.807.000)**	**(85.449.309.200)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(6.303.757.168)**	**45.523.998.543**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**864.795.956.014**	**720.973.559.990**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	**61**		**5.232.411**	**12.766.144**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**8**	**858.497.431.257**	**766.510.324.677**

28 -08- 2025

Người lập:		Người duyệt:
Cao Mỹ Dung	Phan Nhân Tri	Nguyễn Quang Cương
Kế toán tổng hợp	*Trưởng phòng Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco ("Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 2 công ty con (1/1/2025: 2 công ty con) được mô tả tại Thuyết minh số 15.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 329 nhân viên (1/1/2025: 334 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 – 2,5 năm/lần. Số dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định theo dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong chu kỳ tiếp theo.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không có sự thay đổi trọng yếu nào về các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	60.490.025	1.711.368.763
Tiền gửi ngân hàng	63.436.941.232	73.084.587.251
Các khoản tương đương tiền (*)	795.000.000.000	790.000.000.000
	858.497.431.257	864.795.956.014

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 3,7% đến 4,1%/năm (1/1/2025: từ 3,7% đến 4,0%/năm).

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các bên liên quan

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	858.323.004	15.113.851.805
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	37.976.331.374	40.529.103.167
	38.834.654.378	55.642.954.972

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên khác		
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn	2.018.306.029	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thiên Trà	1.095.302.250	-
Công ty TNHH Thương mại PQS An Thịnh	584.820.000	-
Becker Marine Systems GmbH	-	4.880.237.711
Các nhà cung cấp khác	1.101.367.609	361.645.861
	4.799.795.888	5.241.883.572

11. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	52.745.205.680	71.999.194.640
▪ *Phải thu về lợi nhuận được chia*	-	*13.714.000.000*
▪ *Phải thu về chi hộ mua tàu*	*40.000.000.000*	*45.000.000.000*
▪ *Phải thu khác*	*12.745.205.680*	*13.285.194.640*
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	-	845.000.000
▪ *Phải thu về lợi nhuận được chia*	-	*845.000.000*
Chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	3.252.866.439	4.465.180.907
Tạm ứng cho người lao động	1.231.949.800	1.556.300.064
Các khoản phải thu khác	87.346.937	830.345.903
	57.317.368.856	79.696.021.514

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	73.950.000.000	80.090.000.000
▪ *Phải thu về chi hộ mua tàu*	*73.950.000.000*	*80.090.000.000*
Các khoản phải thu khác	46.000.000	46.000.000
	73.996.000.000	80.136.000.000

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả định kỳ đến năm 2032.

12. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Nguyên vật liệu	43.536.157.419	44.406.082.515
Công cụ và dụng cụ	1.749.044.318	1.055.112.198
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.795.977.745	-
	50.081.179.482	45.461.194.713

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	101.836.756.726	174.339.147	3.221.288.598.251	747.709.375	3.324.047.403.499
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	12.970.706.973	174.339.147	3.184.779.141.360	488.831.599	3.198.413.019.079
Khấu hao trong kỳ	1.366.936.332	-	35.055.596.685	67.533.334	36.490.066.351
Số dư cuối kỳ	14.337.643.305	174.339.147	3.219.834.738.045	556.364.933	3.234.903.085.430
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	88.866.049.753	-	36.509.456.891	258.877.776	125.634.384.420
Số dư cuối kỳ	87.499.113.421	-	1.453.860.206	191.344.442	89.144.318.069

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 3.215.642 triệu VND (1/1/2025: 2.770.404 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.743.049.438
Khấu hao trong kỳ	306.502.246
Số dư cuối kỳ	7.049.551.684
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	21.507.930.773
Số dư cuối kỳ	21.201.428.527

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2025						1/1/2025					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con												
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn		100%	100%	160.000.000.000	-			100%	100%	160.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng		100%	100%	15.000.000.000	-			100%	100%	15.000.000.000	-	(*)
				175.000.000.000	-					175.000.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác												
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(47.758.823.539)	(*)	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(47.758.823.539)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	(6.000.000.000)	(*)	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	(6.000.000.000)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)
				64.500.000.000	(53.758.823.539)					64.500.000.000	(53.758.823.539)	
				239.500.000.000	(53.758.823.539)					239.500.000.000	(53.758.823.539)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	-	3.665.543.468
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	6.524.629.266	3.590.739.549
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	44.306.611	1.134.331.980
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	354.070.658	970.911.412
Công ty Xăng dầu Khu vực II – TNHH MTV	284.184.770	82.941.150
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn - Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	-	694.670.000
	7.207.191.305	10.139.137.559
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Biển Đông	1.913.588.129	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải MTD Việt Nam	1.103.138.200	1.324.659.800
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Sửa chữa Tàu biển Việt Điền	62.222.040	560.171.700
Công ty TNHH Hoa Thiên Sứ	-	2.501.730.000
Đăng kiểm Mỹ ABS	-	18.320.067
Các nhà cung cấp khác	2.895.987.422	6.194.370.297
	5.974.935.791	10.599.251.864
	13.182.127.096	20.738.389.423

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ cấn trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	7.052.744	10.833.407.553	(5.978.715.132)	4.861.745.165
Thuế nhập khẩu	-	1.482.706.479	(1.482.706.479)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.787.669.324	11.164.894.347	(7.787.669.324)	11.164.894.347
Thuế thu nhập cá nhân	1.260.093.274	4.546.140.467	(5.420.852.174)	385.381.567
Các loại thuế phí khác	66.894.456	1.533.782.678	(298.178.004)	1.302.499.130
	9.121.709.798	29.560.931.524	(20.968.121.113)	17.714.520.209

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ thể hiện số đã cấn trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí phúc lợi cho nhân viên	4.006.000.000	-
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	1.060.794.000	1.541.523.934
Chi phí lãi vay	260.535.400	375.170.976
Cảng phí	-	508.979.725
Các khoản khác	2.673.523.955	1.416.771.390
	8.000.853.355	3.842.446.025

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả khác cho các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	536.000.000	674.500.000
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	749.660.000	552.260.000
Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO	2.474.942.212	1.796.214.126
Các bên khác		
Kinh phí công đoàn	2.586.597.684	2.188.949.756
Cổ tức phải trả	1.472.714.860	1.212.072.860
Các khoản phải trả khác	166.566.894	473.668.899
	7.986.481.650	6.897.665.641

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
	1/1/2025 VND	Chuyển từ vay dài hạn VND	Trả nợ vay VND	30/6/2025 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	43.331.566.000	21.665.783.000	(21.665.783.000)	43.331.566.000

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành	VND	7,0%	2026	38.814.457.500	54.340.240.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	7,1%	2032	86.230.000.000	92.370.000.000
				125.044.457.500	146.710.240.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(43.331.566.000)	(43.331.566.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				81.712.891.500	103.378.674.500

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao của Công ty (1/1/2025: tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 34.542 triệu VND) và một tài sản cố định hữu hình của một công ty con.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự phòng sửa chữa lớn	46.952.699.311	36.932.871.054

Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	36.932.871.054	36.733.120.307
Dự phòng lập trong kỳ	40.491.930.252	35.278.229.771
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(30.472.101.995)	(16.066.545.955)
Số dư cuối kỳ	46.952.699.311	55.944.804.123

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	16.433.001.701	20.817.639.388
Trích lập trong kỳ	27.425.562.325	20.999.412.313
Sử dụng quỹ	(8.233.100.000)	(11.106.200.000)
Số dư cuối kỳ	35.625.464.026	30.710.851.701

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	131.354.451.932	1.143.636.224.221
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	51.137.590.944	51.137.590.944
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(20.999.412.313)	(20.999.412.313)
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Số dư tại ngày 30/6/2024	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	97.599.297.763	1.109.881.070.052
Số dư tại ngày 1/1/2025	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	156.886.960.515	1.169.168.732.804
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	42.513.530.794	42.513.530.794
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(27.425.562.325)	(27.425.562.325)
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(79.866.666.000)	(79.866.666.000)
Số dư tại ngày 30/6/2025	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	92.108.262.984	1.104.390.035.273

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2025 đã quyết định chia cổ tức cho năm 2024 với số tiền là 79.867 triệu VND, tương đương 10% vốn cổ phần (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 8% vốn cổ phần).

26. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	7.632	197.985.750	7.646	193.060.305

27. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển (*)	305.236.348.325	304.309.408.793
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.305.999.998	2.305.999.998
	307.542.348.323	306.615.408.791

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tàu Petrolimex 20 của Công ty đang thực hiện chuyến hàng Voy7, bắt đầu từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và kết thúc trả hàng vào lúc 15 giờ ngày 1 tháng 7 năm 2025 với giá trị cước vận chuyển là 15.563 triệu VND. Công ty chưa ghi nhận khoản doanh thu này cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vì các lý do sau đây:

a- Căn cứ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác ("VAS 14"):

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong trường hợp chuyến hàng Voy7 của tàu Petrolimex 20:

- Thời gian hoàn thành: Chuyến hàng bắt đầu từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và kết thúc trả hàng vào 15 giờ ngày 1 tháng 7 năm 2025; và
- Bản chất dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển xăng dầu yêu cầu nhận, trả hàng an toàn; đảm bảo đúng số lượng, chất lượng và đúng nơi quy định theo hợp đồng. Điều này xác định rằng việc hoàn thành dịch vụ chỉ được xác nhận khi hàng hóa được giao đầy đủ, an toàn, đúng chất lượng và đúng địa điểm.

Do đó giao dịch này chưa thỏa mãn điểm (c) theo quy định của VAS 14 do không thể xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính của kỳ kết thúc giữa niên độ 30 tháng 6 năm 2025.

b- Theo nguyên tắc thận trọng của kế toán: Công ty áp dụng nguyên tắc thận trọng, tức là chỉ ghi nhận doanh thu khi chắc chắn rằng tất cả các điều kiện của hợp đồng đã được đáp ứng đầy đủ.

Từ các lý do trên, Công ty sẽ ghi nhận doanh thu chuyến hàng này vào tháng 7 năm 2025 và trình bày trong báo cáo tài chính Quý 3 năm 2025 với các chi phí biến đổi tương ứng với khoản doanh thu này (bao gồm nhiên liệu, cảng phí, tiền lương, ...) ước tính khoảng 7.640 triệu VND. Đồng thời việc ghi nhận này cũng phù hợp với chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh thu cung ứng dịch vụ.

28. Giá vốn dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	225.544.944.742	209.340.043.807
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	807.100.000	807.100.000
	226.352.044.742	210.147.143.807

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	16.037.746.340	8.296.650.310
Cổ tức được chia	1.040.001.855	1.629.390.582
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.825.637	4.426.650
	17.097.573.832	9.930.467.542

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.648.072.500	2.799.511.356
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	214.199.733	676.644.796
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác	-	795.057.588
	1.862.272.233	4.271.213.740

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chí phí nhân viên quản lý	22.966.670.734	20.390.515.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.425.556.499	3.363.728.804
Chi phí khấu hao	2.254.571.908	2.443.071.904
Chi phí vật liệu quản lý	970.206.294	1.436.269.185
Chi phí đồ dùng văn phòng	665.487.358	143.372.385
Chi phí khác	11.430.561.708	9.610.887.448
	42.713.054.501	37.387.845.476

32. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	68.005.667.563	64.179.942.723
Chi phí nhân viên	71.332.006.285	72.314.044.685
Chi phí khấu hao	36.796.568.597	24.687.836.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.345.559.215	17.180.350.713
Chi phí khác	86.381.275.328	69.172.814.788

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	11.164.894.347	13.231.295.096
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	375.925.017
	11.164.894.347	13.607.220.113
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(159.011.517)
Chi phí thuế thu nhập	11.164.894.347	13.448.208.596

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	53.678.425.141	64.585.799.540
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.735.685.028	12.917.159.908
Thu nhập không bị tính thuế	(208.000.371)	(325.878.116)
Chi phí không được khấu trừ thuế	637.209.690	642.566.534
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	375.925.017
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	(161.564.747)
	11.164.894.347	13.448.208.596

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	90.991.752.299	104.008.345.296
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Cung cấp dịch vụ	216.550.596.024	202.607.063.495
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	3.961.341.734	2.112.450.432
Chia cổ tức	41.465.217.000	33.172.173.600
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	1.122.062.252	770.130.508
Cổ tức được chia	996.738.725	606.240.891
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng		
Cổ tức được chia	43.263.130	23.149.691
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	10.225.200	-
Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	5.937.159.871	8.963.715.449
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	29.266.049.715	37.065.014.707
Công ty Xăng dầu Khu vực II – TNHH MTV		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	4.130.541.857	699.672.249
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	1.973.369.286	1.830.097.519
Công ty Xăng dầu B12		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	3.569.314.657	-
Công ty liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	10.605.500.825	9.905.723.647

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Thành viên Ban Giám đốc			
Tiền lương và thưởng			
Ông Nguyễn Quang Cương	Tổng Giám đốc	421.800.000	308.800.000
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc	337.800.000	248.800.000
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc	337.800.000	248.800.000
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (*) *(từ ngày 1/7/2025)*	295.800.000	-
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 30/4/2025)*	(**)	(**)
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 31/5/2025)*	282.800.000	248.800.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 30/6/2024)*	-	248.800.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			
Tiền lương, thưởng và thù lao			
Ông La Văn Út	Chủ tịch	499.800.000	368.800.000
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên	66.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Cương	Ủy viên	66.000.000	48.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên	66.000.000	48.000.000
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên	66.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên	66.000.000	48.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên *(đến ngày 30/6/2024)*	-	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát	268.800.000	206.800.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	46.200.000	33.600.000
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	46.200.000	33.600.000

(*) Khoản tiền lương và thưởng của ông Nguyễn Trọng Nghĩa cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 là khoản tiền lương và thưởng khi tại chức Kế toán trưởng.

(**) Các khoản thù lao của ông Bùi Hồng Dũng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được chi trả bởi Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn, là công ty con của Công ty.

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

28 -08- 2025

Người lập:		Người duyệt:
Cao Mỹ Dung	Phan Nhân Tri	Nguyễn Quang Cương
Kế toán tổng hợp	*Trưởng phòng Tài chính Kế toán*	*Tổng Giám đốc*